

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS - ST
Ngày: 25/09/2019
Về việc: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Kim Mỹ
2. Ông Vũ Xuân Dụ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2019/TLST – DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/ 2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L – sinh năm 1970.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối 11, thị trấn B, huyện K. tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị L2 – Sinh năm 1973

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối 13, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Vũ Thị L trình bày: Do có quan hệ là bạn bè chị em chơi và làm ăn với nhau. Khoảng tháng 4 năm 2016 bà có cho bà L2 vay tiền hai lần trong đó lần 1 là 90.000.000đ, lần 2 là 80.000.000đ, thời gian này hai bên chưa viết giấy với nhau, lãi thỏa thuận miệng mỗi tháng bà L2

trả bà L là 3.400.000đ. Ngày 15 tháng 3 năm 2017 (ngày âm lịch, bà L không nhớ ngày dương lịch) bà L2 vay của bà L thêm 30.000.000đ nữa tổng số nợ là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*). Khi nhận tiền xong lúc này hai bên mới chốt số tiền bà L cho bà L2 vay là 200.000.000đ. Bà L2 tự tay viết giấy vay nợ để tiện cho việc theo dõi, ngày 22 tháng 3 năm 2019 (ngày âm lịch, bà L không nhớ ngày dương lịch) bà L2 đã trả cho bà L số tiền gốc là 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*). Khi trả nợ bà L2 cũng là người viết giấy trả nợ. Hiện bà L2 còn nợ bà số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà L2 trả nốt số tiền còn lại nhưng bà L2 không trả. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L2 phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc còn nợ là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Bà L không yêu cầu bà L2 trả lãi đối với số nợ trên

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Hoàng Thị L2 trình bày: Do là quan hệ chị em với nhau bà L2 thừa nhận tháng 3/2017 (Ngày âm lịch, bà không nhớ ngày dương lịch, vì giữa bà và bà L vay mượn hay ghi sổ chỉ lấy ngày âm lịch) bà có vay của bà L số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay nợ không xác định thời hạn, khi nào bà L cần bà L2 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận miệng và trả ngoài với nhau. Bà L2 là người trực tiếp viết vào quyển sổ nhật ký của bà L2 để tiện cho việc theo dõi. Nhưng thực ra khi cầm tiền bà L2 chỉ lấy có 180.000.000đ (*một trăm tám mươi triệu đồng*) vì bà L còn thiếu 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Tháng 10/2017 (Ngày âm lịch, bà không nhớ ngày dương lịch) bà L có lấy của bà số tiền 10.000.000đ bảo để trả tiền gạch xây nhà. Như vậy bà L2 chỉ nợ bà L có 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Do vậy tháng 3 năm 2019 (ngày âm lịch) khi bà L cần tiền cho con trai đi lao động xuất khẩu thì bà L2 đã trả số tiền còn lại cho bà L là 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Hai bên thừa nhận với nhau là không còn nợ nần nhau nữa. Tuy nhiên các giấy tờ vay nợ và nhận nợ chỉ do bà L2 trực tiếp viết để tiện theo dõi. Nay bà L kiện đòi bà L2 phải trả bà L số tiền 30.000.000đ bà không nhất trí. Bà L2 khẳng định bà không còn nợ bà L khoản tiền nào nữa. Bà thừa nhận giấy vay tiền và trả tiền giữa hai bên do tay bà L2 trực tiếp viết và theo dõi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ

luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 280, 463, 466, 469, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L, buộc bà Hoàng Thị L2 phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị L số tiền là 30.000.000đ(*Ba mươi triệu đồng*)

3. Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị L2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Quan hệ giữa bà Vũ Thị L và bà Hoàng Thị L2 là quan hệ Hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân, các bên tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ và không tự giải quyết được. Nguyên đơn là bà Vũ Thị L đã khởi kiện bị đơn là bà Hoàng Thị L2 tại Tòa án. Bà L2 có ĐKKHTT và trú tại: Khố 13, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

[2] Nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Do có quan hệ là bạn bè chị em chơi và làm ăn với nhau. Ngày 15/3/ 2017 (âm lịch) Bà Hoàng Thị L2 có vay của bà Vũ Thị L số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay không xác định thời hạn, lãi hai bên thỏa thuận miệng và trả ngoài với nhau. Bà L2 là người trực tiếp viết vào sổ nhật ký để theo dõi số nợ, có ghi cụ thể “L2 vay chị L số tiền là 200.000.000đ”. Như vậy các đương sự thống nhất được với nhau về số tiền vay. Quá trình hai bên vay nợ ngày 22 tháng 3 năm 3019 (ngày âm lịch) bà L2 đã trả nợ cho bà L số tiền là 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*). Bà L2 cũng là người trực tiếp viết giấy với nội dung “ L2 trả chị Liễu 170.000.000đ”. Như vậy việc vay tiền và trả tiền của hai bên đều có viết tay với nhau. Các tài liệu chứng cứ đều thể hiện bà L2 mới trả được cho bà L số tiền là 170.000.000đ.

Đối với số tiền 30.000.000đ còn nợ lại, bị đơn là bà L2 cho rằng mặc dù hai bên vay nợ nhau 200.000.000đ nhưng thực chất bà L không đưa đủ cho bà L2 số tiền trên

mà chỉ đưa có 180.000.000đ, còn thiếu 20.000.000đ, do hai bên có sự nhầm lẫn nhưng bà L không nhớ. Tuy nhiên bản thân bà L2 không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc bà L2 nhận từ bà L có 180.000.000đ. Mặt khác tháng 10 năm 2017 bà L2 có trả cho bà L số tiền là 10.000.000đ tiền gạch, về số tiền gạch bà L2 cũng không chứng minh được việc mình đã trả cho bà L 10.000.000đ. Như vậy bà L2 không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc mình đã trả nợ cho bà L 30.000.000đ. Bà L2 chỉ chứng minh được việc mình đã trả cho bà L số tiền là 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Quá trình giải quyết tại Tòa án bà L có nộp cho Tòa án một giấy ghi ngày 13 tháng 3 năm 2017 với nội dung L2 vay chị Liễu 200.000.000đ và một giấy ghi ngày 22 tháng 3 năm 2019 với nội dung L2 trả chị Liễu 170.000.000đ. Hai giấy vay tiền và trả tiền đều do bà L2 trực tiếp viết.

Do vậy nay bà Liễu yêu cầu bà L2 phải trả cho bà L số tiền nợ gốc còn lại là 30.000.000đ và bà L không yêu cầu tiền lãi đối với số tiền trên là có căn cứ. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của bà Vũ Thị L được chấp nhận nên bà L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hoàng Thị L2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 280, 463, 466, 469, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L, buộc bà Hoàng Thị L2 phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị L số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*)

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị L2 phải nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị L số tiền 750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003095 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 375 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Trần Thị Khanh

